

Số: *08* /2017/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *19* tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thực hiện cơ chế, chính sách thu hút xã hội hoá đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 quy định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1432/TTr-STC ngày 15 tháng 5 năm 2017; Báo cáo số 60/BC-STP ngày 28 tháng 02 năm 2017 và Công văn số 273/STP-XD&KTrVB ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thực hiện cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 21

Nơi nhận:

- Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Giao thông vận tải;
 - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, KT, CNN, TH.
- Trình, QĐ/T5, 70b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc

QUY ĐỊNH

Về thực hiện cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy định này quy định về thực hiện cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
2. Đối tượng điều chỉnh: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, khai thác bến xe khách theo hình thức xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Cơ chế, chính sách về đầu tư xây dựng bến xe khách

1. Khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng và khai thác, kinh doanh bến xe khách theo hình thức xã hội hóa và được hưởng các hỗ trợ cụ thể quy định tại Điều 3, Điều 6 Quy định này và các hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Trường hợp không kêu gọi được xã hội hóa xây dựng bến xe khách tại các địa bàn huyện nghèo thì Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình cơ bản bắt buộc của bến xe khách, bao gồm: Khu vực đỗ xe đón, trả khách, khu vệ sinh, phòng vé và phòng chờ cho hành khách, văn phòng làm việc, đường nội bộ, các trang thiết bị cơ bản để tổ chức hoạt động bến xe khách.

Điều 3. Mức hỗ trợ lãi suất đối với các dự án

1. Mức hỗ trợ lãi suất vay các tổ chức tín dụng cho các dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng bến xe khách theo hình thức xã hội hóa cụ thể như sau:
 - a) Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn đối với dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
 - b) Hỗ trợ 20% lãi suất vay vốn đối với dự án thực hiện tại các địa bàn còn lại.

2. Xác định số tiền được hỗ trợ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền được} \\ \text{hỗ trợ của từng dự án} \\ \text{(năm)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng vốn vay} \\ \text{được hỗ trợ} \\ \text{lãi suất} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất} \\ \text{vay vốn} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức hỗ trợ lãi suất} \\ \text{theo quy định} \\ \text{(\%)} \end{array}$$

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các khoản vay vốn ODA, vay vốn tín dụng đầu tư nhà nước và các khoản vay khác để thực hiện dự án đã được hưởng hỗ trợ từ chính sách có nguồn ngân sách nhà nước thì không được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Quy định này.

3. Trường hợp các khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất bị quá hạn trả nợ hoặc được gia hạn nợ thì không được hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian quá hạn trả nợ, gia hạn nợ.

Điều 5. Nguồn hỗ trợ và phương thức hỗ trợ

Nguồn hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng cho nhà đầu tư từ ngân sách tỉnh và việc hỗ trợ lãi suất vay vốn được thực hiện hằng năm thông qua Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại.

Điều 6. Các ưu đãi khác

Thực hiện theo quy định tại các văn bản hiện hành.

Điều 7. Bố trí kinh phí thực hiện

Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua việc bố trí kinh phí hỗ trợ lãi suất trong dự toán ngân sách địa phương hằng năm để thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, Kỳ họp thứ 2.

Điều 8. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp nâng cấp, mở rộng bến xe khách hoặc xây bến xe khách ở vị trí mới đối với các bến xe khách đã đưa vào khai thác trước thời điểm Quy định này có hiệu lực và đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này thì được hưởng chính sách hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ tối thiểu 20% lãi suất vay các tổ chức tín dụng theo quy định tại Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Thời điểm thực hiện hỗ trợ tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2015 đến ngày 21 tháng 8 năm 2015 (thời điểm trước khi Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành).

2. Từ ngày 22 tháng 8 năm 2016, mức hỗ trợ lãi suất được áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND.

3. Các chính sách ưu đãi khác được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã có liên quan hướng dẫn nhà đầu tư và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện và kịp thời đề xuất những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác chưa quy định cụ thể tại Quy định này, thực hiện theo Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Bắc